

Tủ đồ nghề 9 ngăn 186 chi tiết Toptul

Bảng thông số kỹ thuật của Tủ đồ nghề 9 ngăn 186 chi tiết Toptul GCBZ186A đầy đủ và chi tiết nhất, hãy liên hệ để nhận báo giá và đặt mua từ nhà phân phối HỆ THỐNG GTW của hãng Toptul



Thương hiệu	Toptul
Số định danh mặt hàng	59698
Model	GCBZ186A
Thương hiệu	Toptul
Xuất xứ	Đài Loan
Số lượng chi tiết	186 chi tiết
Tiêu chuẩn sản xuất	DIN,ANSI
Kích cỡ loại nhỏ gọn	660W x 307D x 434H (mm).
○ Khay 1	GZA-5001
• BAEA0804~0814	Bộ tuýp lực giác hệ mét 1/4" - 4, 4.5, 5, 5.5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 mm
• BBEA0805~0818	Tuýp lực giác hệ inch 1/4" - 5/32", 3/16", 7/32", 1/4", 9/32", 5/16", 11/32", 3/8", 7/16", 1/2", 9/16"
• BAEA1206~1222	Tuýp lực giác 3/8" - 6, 8, 10, 12, 13, 14, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22 mm
• BBEA1210~1228	Tuýp lực giác 3/8" - 5/16", 3/8", 7/16", 1/2", 9/16", 5/8", 11/16", 3/4", 25/32", 13/16", 7/8"
• BAAT1216 & 1221	Tuýp mở Bugi 3/8" - 16 & 21 mm
○ Khay 2	GZA-1202
• CJBM0815 & 1220	Cần tự động 1/4" 3/8"
• CAIP0816	Tay nối tuýp 1/4"
• CFAC1210	Tay vặn 3/8" - 10" (L)

• CAHK0840 & 1254	Đầu nối lắ léo 1/4" 3/8"
• CAAA0803 & 0806	Tuýp nối 1/4" - 3" & 6" (L)
• CAAA1203~1210	Tuýp nối 3/8" - 3", 6", 10" (L)
• CTCJ1208	Tay vặn 3/8" - 8" (L)
○ Khay 3	GZA-0803
• FAAB0308~6E15	Tua vít dẹp - 3x75, 4x100, 5.5x100, 6.5x150 mm
• FBAB0108 & 0210	Tua vít Bake - PH1x80 & PH2x100
• FCAB0210	Tua vít Bake - PZ2x100
• FJAB0213	Tua vít đầu vuông - SQ2x125
○ Khay 4	GZA-0304
• AMAB2920 & 3325	Mỏ lết - 8" & 10" (L)
• DDBA2210	Kèm mỏ quạ - 10" (L)
○ Khay 5	GZA-0305
• DEBC2208	Kèm cắt - 8" (L)
• DBBB2208	Kèm tổng hợp - 8" (L)
• DFBB2208	Kèm mỏ nhọn - 8" (L)
○ Khay 6	GZA-0406
• DCAA1207	Kèm mở phe cong 90° (vòng ngoài) - 7" (L)
• DCAB1207	Kèm mở phe mũi thẳng (vòng ngoài) - 7" (L)
• DCAC1207	Kèm mở phe cong 90° (vòng trong) - 7" (L)
• DCAD1207	Kèm mở phe mũi thẳng (vòng trong) - 7" (L)
○ Khay 7	GZC-3104
• AAEB0606~2424	Cờ lê vòng miệng hệ mét 15° - 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24 mm

• ACEB0808~3232	Cờ lê vòng miệng hệ inch 15° - 1/4", 5/16", 11/32", 3/8", 7/16", 1/2", 9/16", 5/8", 11/16", 3/4", 13/16", 7/8", 15/16", 1"
○ Khay 8	GZC-5702
• BAEA1610~1632	Đầu tuýp lục giác 1/2" hệ mét - 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 21, 22, 23, 24, 26, 27, 29, 30, 32 mm
• BBEA1612~1640	Đầu tuýp lục giác 1/2" hệ inch - 3/8", 7/16", 1/2", 9/16", 5/8", 11/16", 3/4", 13/16", 7/8", 15/16", 1", 1-1/16", 1-1/8", 1-1/4"
• CAHK1678	Đầu nối lắo 1/2"
• CAAA1605 & 1610	Đầu nối 1/2" - 5" & 10" (L)
• CTCJ1610	Cần vặn di động 1/2" - 10" (L)
• CFAC1618	Tay vặn 1/2" - 18" (L)
• CJBM1627	Cần tự động 1/2"
• GAAL0916	Lục giác chữ L hệ mét - 1.5, 2, 2.5, 3, 4, 5, 6, 8, 10 mm
• GBAL0901	Lục giác chữ L hệ inch - 1/16", 5/64", 3/32", 1/8", 5/32", 3/16", 1/4", 5/16", 3/8"
○ Khay 9	GZC-1803
• SAAA3013	Cưa
• DAAQ1A10	Kèm bấm chết - 10" (L)
• GAAV0601	Bộ đầu đột - 2x8x115, 3x8x125, 4x10x150, 5x10x165, 6x12x180, 8x12x180 mm
• HAAC2440	Búa đầu bi (24 oz)
• FIAA1615	Vít đóng 1/2" - (L=145mm)
• FTAB1610	Đầu chuyển lục giác vuông - 1/2" Dr. x 5/16" (H) - (L=38mm)
• FSAC1008 & 1010	Mũi vít dẹt 5/16" - 1.2x8 mm & 1.6x10 mm - (L=36mm)

• FSBC1002 & 1003	Mũi vít bake 5/16" - PH2 & PH3 - (L=36mm)
• FBAB0315	Tua vít bake - PH3x150
• FAAB0818	Tua vít dẹt - 8x175 mm
• FAGB1020	Tua vít dẹt - 10x200 mm
Đơn vị sản phẩm	cái